

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 28-5-2018
V/v tranh chấp về thực hiện công việc
không có ủy quyền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tân.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 tranh chấp về thực hiện công việc không có ủy quyền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-DS ngày 11/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu B - Sinh năm 1974, chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1978. Đều có mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn Ô M, xã H Đ, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1 - Sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ô M, xã H Đ, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng

-Ông Nguyễn Ngọc Th - Sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu LTB, thị trấn TK, huyện T K, tỉnh Hải Dương

Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện T K.

Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK, tỉnh Hải Dương.

-Ông Nguyễn Văn K - Sinh năm 1950. Có mặt.

-Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1954. Có mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn Ô M, xã H Đ, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L1 ở thôn Ô M, xã H Đ, huyện TK, tỉnh Hải Dương nợ Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK với số tiền 1.800.000.000đ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất 174,5m², thửa số 106, tờ bản đồ số 11, thôn Ô M, xã H Đ, huyện T K, được UBND huyện T K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X679102, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01670QSĐĐ/1160-QĐ/H-2003, ngày 23/12/2003 mang tên bà Nguyễn Thị L1. Do không có khả năng thanh toán nên Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK đã tổ chức bán đấu giá tài sản thế chấp của bà L1. Ngày 28/8/2015 anh Nguyễn Hữu B ký hợp đồng mua bán tài sản trúng đấu giá số 33/HĐMBTSBĐG-ĐGSK/NHNo-TK/KH với Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK, theo đó anh Nguyễn Hữu B mua tài sản trúng đấu giá là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà L1 đã thế chấp tại Ngân hàng với giá là 700.000.000đ. Trước khi ký hợp đồng với ngân hàng, anh B đã thực hiện rút tiền từ sổ tiết kiệm rồi chuyển trả bớt số tiền nợ của bà L1 là 500.000.000đ cho Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK và Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK đã chuyển tiền thu nợ của bà Nguyễn Thị L1 và được thể hiện bằng ba chứng từ giao dịch liên 1 ngày 04/8/2015, bút toán số 101 được in lúc 15 giờ 51 phút 18 giây, bút toán 102 in lúc 15 giờ 52 phút 26 giây, bút toán 103 được in lúc 15 giờ 53 phút 44 giây, đều có nội dung thu nợ rủi ro khách hàng Nguyễn Thị L1, tổng ba bút toán là 500.000.000đ. Do việc mua bán tài sản trúng đấu giá không thành công và anh B đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ yêu cầu Hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 33/HĐMBTSBĐG-ĐGSK/NHNo-TK/KH ngày 28/8/2015 về việc mua bán tài sản bán đấu giá là quyền sử dụng đất của bà L1 và đã được Tòa án huyện Tứ Kỳ xét xử chấp nhận hủy hợp đồng trên và buộc Ngân hàng trả lại cho anh B số tiền 700.000.000đ. Còn số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) anh B chuyển vào tài khoản nợ của bà L1 đối với Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK là do thực hiện công việc không có ủy quyền (trả nợ thay bà L1), song cho đến nay bà Liên không trả lại cho anh Bình số tiền trên. Anh B, chị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ giải quyết với nội dung:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 26/7/2012 bà Liên có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK - Phòng giao dịch HĐ, hợp đồng số 12790066/HĐTD với số tiền là 1.800.000.000đ (một tỉ tám trăm triệu đồng), đã trả làm nhiều lần với tổng số tiền là 740.000.000đ (bảy trăm bốn mươi triệu đồng), còn nợ 1.060.000.000đ. Bà L1 không có khả năng thanh toán nên Ngân hàng đã tiến hành phát mại bán đấu giá tài sản thế chấp của bà L1 cho anh Bình, chị L. Do thực hiện không đúng thủ tục theo pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mình nên bà L1 không đồng ý. Do hợp đồng mua tài sản đấu giá không thực hiện được nên anh B khởi kiện Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK và được Tòa án huyện Tứ Kỳ chấp nhận hủy hợp đồng và ngân hàng phải trả anh B 700.000.000đ. Đối với số tiền 500.000.000đ anh Bình chuyển vào tài khoản nợ của bà L bản thân bà L không biết, sau này anh B khởi kiện thì bà L mới biết các chứng cứ anh B nộp cho Tòa án thể hiện anh B tự chuyển tiền vào đặt cọc để đấu giá tài sản, sau đó anh B và Ngân hàng thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản nợ của bà L1 với Ngân hàng, bà L1 không ủy quyền, không vay mượn anh B tiền 500.000.000đ. Toàn bộ thủ tục do anh B thực hiện. Còn mục đích anh B chuyển tiền vào tài khoản của bà L1 thế nào bà L1 không biết, do vậy không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh B, chị L.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H khai: Ngày 17/7/2015 bà L1 đến gia đình ông K nói chuyện và đề nghị vay thêm tiền trong sổ tiết kiệm của anh Nguyễn Văn B, sau đó các bên có lập biên bản thỏa thuận đề ngày 17/7/2015 với nội dung ngoài số nợ cũ của ông K, bà H thì bà L1 vay thêm của anh B 1.200.000.000đ (một tỉ hai trăm triệu đồng) bằng sổ tiết kiệm anh B đang gửi tại Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh huyện TK. Trong thời hạn 1 năm nếu bà L1 không trả toàn bộ số tiền trên thì phải chuyển nhà và đất của bà L1 sang tên cho anh B. Biên bản đã được mọi người có mặt nhất trí ký tên. Tuy nhiên hai bên chỉ ký văn bản như vậy chứ anh B cũng không giao tiền mặt cho bà L1. Sau đó anh B có đến ngân hàng kiểm tra thì được biết ngân hàng đã phong tỏa nhà và đất của bà L1, do vậy anh B, ông K, bà H không chấp nhận sự thỏa thuận như trong biên bản lập ngày 17/7/2015 và anh B cũng không chuyển tiền 1.200.000.000đ cho bà L1 vay. Sau đó anh Bình làm thủ tục mua tài sản đấu giá với 1 Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh huyện TK đối với nhà và quyền sử dụng đất của bà L1

nhưng việc mua bán không thành. Tất cả mọi thủ tục mua bán tài sản trúng đấu giá, chuyển tiền nợ của anh B cho bà L thì vợ chồng ông K, bà H không biết.

Ông Nguyễn Ngọc Th là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK trình bày: Bà Nguyễn Thị L1 có ký hợp đồng tín dụng vay nợ Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK - Phòng giao dịch H Đ và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 174,5m², tại thôn Ô M, xã H Đ, huyện T K, do bà L1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã tiến hành bán đấu giá tài sản của bà L1. Anh Nguyễn Hữu B ở thôn Ô M, xã H Đ, huyện Tứ Kỳ đã trúng đấu giá tài sản do vậy giữa Ngân hàng và anh B đã ký hợp đồng hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 33/HĐMBTSBĐG-ĐGSK/NHN₀ TK/KH ngày 28/8/2015 giữa Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh huyện TK, anh B và Công ty cổ phần đấu giá S Kh. Do bà L1 không thực hiện việc giao tài sản nên hợp đồng giữa Ngân hàng và anh B không thể thực hiện được, anh B đã khởi kiện về việc hủy hợp đồng trên và được Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ chấp nhận, cho đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật. Thủ tục đấu giá tài sản và nộp tiền cọc, anh B chỉ nộp 50.000.000đ tiền đặt cọc mua tài sản. Theo đề nghị của anh B đề nghị phong tỏa tài sản của hai sổ tiết kiệm là 1.200.000.000đ nhằm mục đích chứng minh tài chính với Ngân hàng để tham gia đấu giá tài sản. Sau đó anh B đề nghị rút toàn bộ số tiền của hai sổ tiết kiệm này, việc anh B rút tiền tiết kiệm để sử dụng như thế nào là quyền của anh B. Đối với các chứng từ thu, chi trong quá trình mua bán tài sản đấu giá được thể hiện cụ thể: Anh B có sổ tiết kiệm là 500.000.000đ đã được anh B đề nghị phong tỏa. Sau đó anh B đề nghị không phong tỏa tài khoản của sổ tiết kiệm này nữa mà đề nghị được rút tiền ra để trả cho khoản nợ của bà L và được thể hiện tại Phiếu Chi ngày 04/8/2015 số bút toán 117, loại tiền VND, số tiền 500.000.000đ, nội dung: Lãnh tiền trả nợ cho bà Nguyễn Thị L1, sau đó ngân hàng hạch toán thu nợ vào khoản nợ của bà L1. Như vậy anh B cũng không phải kiểm đếm tiền mặt mà tiền mặt của anh B đã được hạch toán sang khoản nợ của bà L1. Việc anh B và bà L1 thỏa thuận trả nợ như thế nào thì Ngân hàng không biết, chỉ biết khi có yêu cầu của khách hàng là anh B đề nghị chuyển tiền trả nợ cho bà L1 thì Ngân hàng thực hiện theo yêu cầu của anh B. Như vậy, anh B đã thực hiện việc trả nợ 500.000.000đ thay cho bà L đối với ngân hàng. Bà L không có tiền để trả nợ cho ngân hàng và không trực tiếp trả cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L khai: Do bà Nguyễn Thị L1 còn nợ Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK số tiền 1.200.000.000đ, vợ chồng anh B đã tự nguyện trả vào khoản nợ của bà L đối với Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK - Phòng giao dịch H Đ là 500.000.000đ, còn lại anh B mua tài sản trúng đấu giá quyền sử dụng đất do Ngân

hàng và công ty cổ phần S Kh thực hiện. Việc trả nợ cho bà L và việc đấu giá tài sản đã thông báo cho bà L1 biết, nhưng bà L1 không chấp nhận việc thực hiện giao tài sản trúng đấu giá. Anh B, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bà L phải trả số tiền 500.000.000đ do thực hiện công việc không có ủy quyền. Anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả tiền lãi đối với số tiền 500.000.000đ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L khai: Bà Liên còn nợ Ngân hàng NN&PTNT VN - Chi nhánh huyện TK - Phòng giao dịch H Đ số tiền 1.200.000.000đ, bà L không có sự thỏa thuận với vợ chồng anh B, chị L về việc trả nợ hộ bà số tiền 500.000.000đ cho Ngân hàng, việc anh B, chị L nộp tiền là do anh B tự nguyện thực hiện. Do vậy bà L1 không nhất trí yêu cầu khởi kiện của anh B, chị L. Ngoài ra bà L1 còn cung cấp một số bản phô tô giấy đề nghị trả nợ đối với Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ phát biểu ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh B, chị L đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy tại Điều 70, 71 và 72, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 576 của Bộ luật dân sự. Điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh B, chị L về việc buộc bà L1 phải thanh toán tiền lãi. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh B, chị L, buộc bà Nguyễn Thị L1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000đ cho anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị . Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Hữu B khởi kiện đòi tài sản của bà Nguyễn Thị L1 với số tiền là 500.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa và căn cứ các chứng cứ do các đương sự và đại diện Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK giao nộp đã thể hiện việc anh Bình tự chuyển số tiền 500.000.000đ vào tài khoản nợ của bà L1 đối với Ngân hàng nhằm mục đích giảm số tiền nợ của bà L1 và làm thủ tục mua bán tài sản trúng đấu giá. Căn cứ Điều 574 của Bộ luật dân sự, HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp là Thực hiện công việc không có ủy quyền để giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả

tiền lãi đối với số tiền 500.000.000đ theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của anh B, chị L về việc buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả tiền lãi đối với số tiền 500.000.000đ theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các đương sự, HĐXX xét thấy: Bà Nguyễn Thị L1 có nợ Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK với số tiền 1.800.000.000đ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất 174,5m², thửa số 106, tờ bản đồ số 11, thôn Ô M, xã H Đ, huyện T K. Bà L1 đã thanh toán được một số tiền còn lại vẫn chưa thanh toán hết cho Ngân hàng. Do đến hạn thanh toán nhưng bà L không trả hết tiền nên Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK đã tổ chức bán đấu giá tài sản thế chấp của bà L1. Ngày 28/8/2015 anh Nguyễn Hữu B có ký hợp đồng mua bán tài sản trúng đấu giá với Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK, tỉnh Hải Dương, hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 33/HĐMBTSBĐG-ĐGSK/NHNo-TK/KH, trước khi thực hiện việc đấu giá tài sản, anh Bình đã thực hiện rút tiền từ sổ tiết kiệm rồi chuyển trả bớt số tiền nợ của bà Liên là 500.000.000đ cho Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK thể hiện tại Phiếu chi ngày 04/8/2015, số bút toán 117 của Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK trong đó ghi rõ "Lĩnh tiền trả nợ cho bà Nguyễn Thị L1, địa chỉ Ô M, H Đ, số CMT 141216326" chứng từ được anh Nguyễn Hữu B ký tên và Ngân hàng đã chuyển tiền thu nợ của bà Nguyễn Thị L1 và được thể hiện bằng ba chứng từ giao dịch liên 1 ngày 04/8/2015, bút toán số 101 được in lúc 15 giờ 51 phút 18 giây, bút toán 102 in lúc 15 giờ 52 phút 26 giây, bút toán 103 được in lúc 15 giờ 53 phút 44 giây, đều có nội dung thu nợ rủi ro khách hàng Nguyễn Thị L1, tổng ba bút toán là 500.000.000đ. Tại phiên tòa, bà L1 cung cấp bản phô tô giấy đề nghị trả nợ đối với Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK - Phòng giao dịch H Đ, trong đó có giấy đề nghị thanh toán khoản nợ 500.000.000đ vào ngày 04/8/2015. Toàn bộ giấy tờ trên là bản phô tô không có công chứng, chứng thực nên không có giá trị chứng minh hơn nữa bà L xác định các giấy đề nghị trả nợ không phải chữ ký, chữ viết của bà. Bà L1 khẳng định ngày 04/8/2015 bà không trả nợ 500.000.000đ cho ngân hàng. Lời khai của đại diện Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK xác định toàn bộ khoản tiền 500.000.000đ nộp vào tài khoản nợ của bà L1 vào ngày 04/8/2015 là do anh Nguyễn Hữu B trực tiếp trả và thể hiện tại các chứng cứ là các bút toán, phiếu chi do Ngân hàng cung cấp. Căn cứ lời khai của các đương sự, người làm chứng, các chứng cứ do đương sự giao nộp, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Hữu B đã tự nguyện nộp số tiền 500.000.000đ để

trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị L1 tại Ngân hàng NN&PTNT VN - chi nhánh huyện TK - Phòng giao dịch H Đ. Việc anh Bình trả nợ thay cho bà L1 là thực hiện công việc không có ủy quyền và hoàn toàn có lợi cho bà L1 khi giảm mức dư nợ đối với khoản tiền vay của Ngân hàng. Theo quy định tại Điều 576 của Bộ luật dân sự thì người có công việc được thực hiện (Bà Nguyễn Thị L1) phải thanh toán chi phí hợp lý mà người thực hiện công việc không có ủy quyền (anh Nguyễn Hữu B) đã bỏ ra để thực hiện công việc. Căn cứ Điều 575 và 576 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả số tiền 500.000.000đ.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh B, chị L được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà L1 phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự. Như vậy là phù hợp với khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 574, 575 và 576 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả tiền lãi đối với số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L số tiền là **500.000.000 đ** (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành khoản tiền như trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Trả lại cho anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị L số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002118 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKSND huyện Tứ Kỳ,
- Chi cục T.H.A DS huyện Tứ Kỳ
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ, VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân